



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**  
**(MÃ CỔ PHIẾU: AMC)**  
**NĂM 2020**



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Mã chứng khoán	AMC
Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
Tên viết tắt	AMC
Tên tiếng Anh	Asia Mineral Join Stock Company
Trụ sở chính	Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Vốn điều lệ	28.500.000.000 đồng
Điện thoại	+84 238 3791 777
Fax	+84 238 379 555
Email	<a href="mailto:amc@amevina.vn">amc@amevina.vn</a>
Website	<a href="http://www.amevina.vn/">http://www.amevina.vn/</a>
Ngành nghề	Sản xuất kinh doanh bột đá trắng siêu mịn
Đăng ký kinh doanh	2703001715 cấp ngày 28/12/2007 tại Sở Kế hoạch Nghệ An
Nơi niêm yết	HNX
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Khối lượng đang NY	2.850.000
Tổng giá trị NY	28.500.000.000
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

### - Quá trình hình thành và phát triển

Ngày tháng	Sự kiện tiêu biểu
2001-	Xí nghiệp Khai khoáng (Khai thác mỏ đá trắng) được thành lập là tiền thân của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu, thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế (Quân khu 4, Bộ Quốc phòng)
2007-	Thành lập tên: Công ty CP Khoáng sản Á Châu, vốn điều lệ: 28,5 tỉ đồng . Công ty Hợp tác kinh tế xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá trắng siêu mịn, và cùng một số thành viên khác thực hiện liên kết và sáng lập ra Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 28/12/2007 theo mô hình Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715
2010-	Đăng ký trở thành Công ty đại chúng
2012-	Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

AMC là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm bột đá vôi siêu mịn ( $\text{CaCO}_3$ ). Sản phẩm  $\text{CaCO}_3$  siêu mịn có tráng phủ và không tráng phủ của AMC được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm, dược phẩm, bột trét tường,... và được khách hàng công nhận là lựa chọn tốt nhất của họ.

### a) Ngành nghề kinh doanh

#### \* Lĩnh vực kinh doanh

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;
- Cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường bộ.

#### \* Sản phẩm dịch vụ chính

- Đá vôi trắng (đá hộc) dạng thô kích thước 100 -400 mm;
- Bột không tráng phủ và có tráng phủ kích thước từ 5 đến 30  $\mu\text{m}$ ;
- Hoặc các sản phẩm theo cỡ hạt theo yêu cầu của khách hàng.

TT	Mã sản phẩm	Độ mịn		Cỡ hạt	
		(D50)	(D97)	(mm)	(Mesh)
1	NSS-500/C	0.60 $\mu\text{m}$ Max	5.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.005	2500
2	NSS-800/C	1.90 $\mu\text{m}$ Max	8.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.008	1500
3	NSS-1000/C	2.30 $\mu\text{m}$ Max	10.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.010	1250
4	NSS-1500/C	3.20 $\mu\text{m}$ Max	15.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.015	920
5	NSS-2000/C	4.50 $\mu\text{m}$ Max	20.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.020	720
6	NSS-2500/C	5.50 $\mu\text{m}$ Max	25.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.025	560
7	NSS-3000/C	6.50 $\mu\text{m}$ Max	30.0 $\mu\text{m} \pm 2.0$ Max	0.030	470
8	NSS-05	Hạt cát		4000	5
9	NSS-08	Hạt cát		2380	8
10	NSS-80	Hạt cát		0.177	80
11	NSS-180	Hạt cát		0.088	180

Đặc tính đá vôi ( $\text{CaCO}_3$ ) có tính chất không cứng, không bền như các loại đá khác nên không thể ứng dụng được trong xây dựng và điêu khắc. Tuy nhiên, do tỉ lệ canxi trong đá cao nên đá vôi được khai thác, trải qua quá trình sản xuất cho ra bột đá trắng siêu mịn với vai trò là thành phần phụ gia, nguyên liệu, chất độn, nhằm mục tiêu tăng cường một số đặc tính cần thiết cho sản phẩm cũng như hạ giá thành sản phẩm cuối cùng.

Những thông tin cơ bản về sản phẩm bột đá trắng siêu mịn của Công ty:

Các thành phần hóa học	Các đặc tính vật lý		
Hàm lượng CaCO <sub>3</sub>	98,98%	Độ sáng	≥ 96%
Hàm lượng MgCO <sub>3</sub>	≤0.21%	Độ trắng	≥ 97%
Hàm lượng Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	≤ 0.02%	Độ ẩm	≤ 0.2%
Hàm lượng Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	≤0.03%	Khối lượng riêng (đá nguyên liệu)	2.7g/cm <sup>3</sup>
Hàm lượng SiO <sub>2</sub>	≤0.12%	Độ thấm dầu (cỡ hạt mịn nhất)	≥ 24g/100g of CaCO <sub>3</sub>
Hàm lượng Na <sub>2</sub> O	≤0.05%	Tỷ lệ hao hụt khi đốt cháy	≤ 43.08%

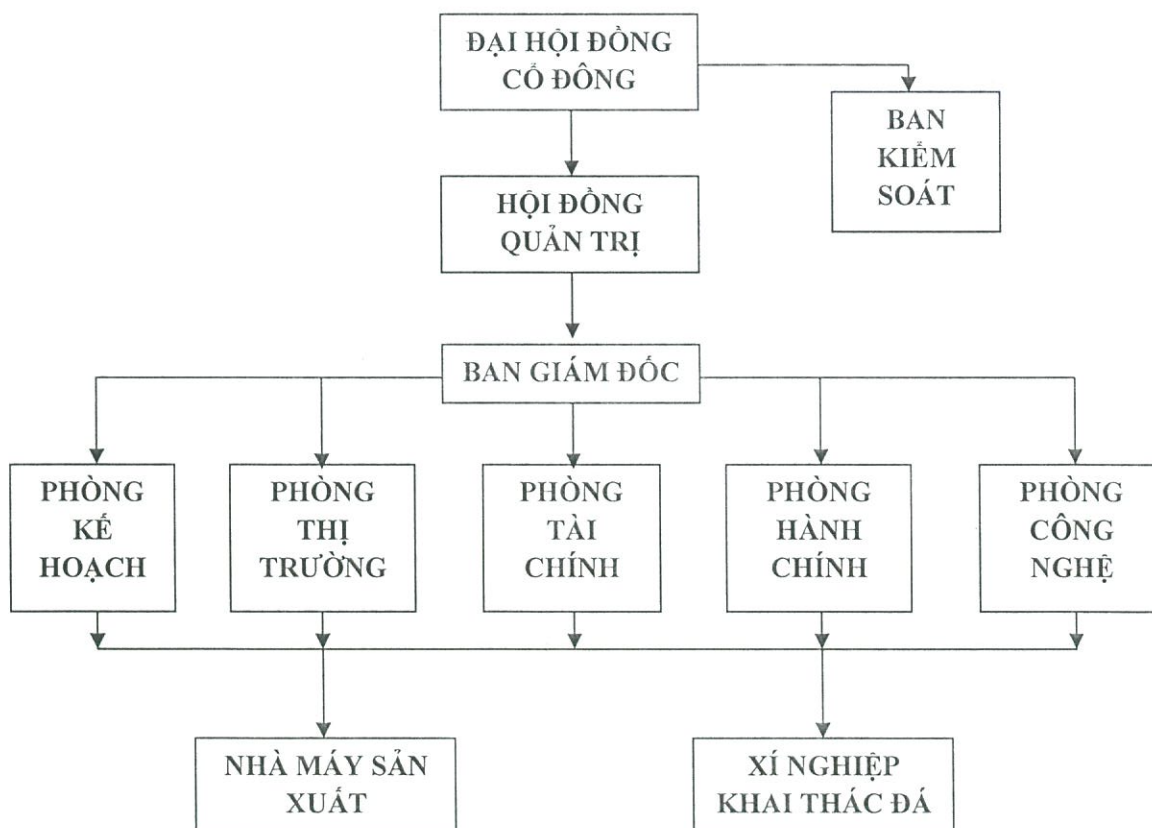
b) Địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động khai thác của Công ty diễn ra tại huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), Công ty sở hữu 02 mỏ đá vôi trắng, với tổng diện tích hơn 45 ha và trữ lượng hơn 30 triệu tấn.

- Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách Cảng Cửa Lò chỉ 5km, thuận tiện và tiết giảm chi phí vận chuyển, gần nguồn khai thác nguyên liệu.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị và sơ đồ bộ máy quản lý



- Công ty con và công ty liên kết: Không có

#### **4. Định hướng phát triển**

##### *a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

- Khai thác, chế biến khoáng sản là lĩnh vực chủ lực, là cốt lõi của Công ty, đồng thời tiếp tục chiến lược đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.

- Duy trì và củng cố đầu tư, khai thác các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò phát triển khai thác các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ phát triển các sản phẩm mới kể cả việc xây dựng thêm các nhà máy khác.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất về đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản,...bảo vệ môi trường, để đảm bảo ổn định sản phẩm cung ứng, là cơ sở để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Duy trì vị thế doanh nghiệp trên thị trường; Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, các khách hàng để hiện thực hóa chiến lược hoạt động SXKD có hiệu quả.

##### *b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

- Khai thác, chế biến đá trắng là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực trong phát triển trung và dài hạn của AMC, là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.

- Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

##### *c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)*

- Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động khai thác và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.

- Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

## 5. Các rủi ro

### a) Rủi ro về pháp luật

Công ty CP Khoáng sản Á Châu hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, vì vậy hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật môi trường và các văn bản luật có liên quan. Hiện các luật trên đang trong quá trình hoàn thiện nên bất kỳ sự thay đổi nào cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến chính sách và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đặc biệt, AMC là doanh nghiệp có hoạt động SXKD nằm trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, các nghị định và thông tư hướng dẫn, thi hành Luật khoáng sản khác có liên quan. Trong đó phải kể đến những quy định về hạn chế hay khuyến khích khai thác khoáng sản (bao gồm thuế xuất khẩu; phí, thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông tư 44/2017 của Bộ Tài chính) có ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung trong giai đoạn này.

\* **Giải pháp:** Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi, cập nhật và nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình; đồng thời thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động SXKD của Công ty được diễn ra liên tục và không bị gián đoạn.

### b) Rủi ro về kinh tế

Năm 2020 là một năm đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu nói chung và trong nước nói riêng do ảnh hưởng rất nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp, AMC cũng không phải ngoại lệ. Công ty cũng gặp phải những rủi ro đến từ các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, tỷ giá hối đoái, lãi suất,... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng, tổng sản phẩm quốc nội tăng 2,91% và chỉ số lạm phát (CPI = 2,31%), lãi suất cho vay giảm, ngân hàng nhà nước thường xuyên cung cấp các gói hỗ trợ doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái ổn định.

\* **Giải pháp:** Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

### c) Rủi ro thị trường tiêu thụ

Hiện nay, khoảng 33% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Campuchia, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc ... Điều này dẫn đến rủi ro cho Công ty khi các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu và cầu nhập khẩu. Cụ thể trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp và các nước Ấn Độ, Hàn Quốc và Trung Quốc đều là trung tâm vùng dịch, hoạt động xuất khẩu của Công ty sẽ gặp phải trở ngại rất lớn.

\* **Giải pháp:** Công ty luôn chủ động đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và rà soát kỳ hạn của các hợp đồng đã ký kết, chú trọng xây dựng chiến lược để tăng sức cạnh tranh trên thị trường hiện nay.

*d) Rủi ro cấp phép khai thác mỏ*

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Những luật này lại chưa hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành luật còn chưa rõ ràng đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Những yêu cầu về công nghệ khai thác rất nghiêm ngặt, trong trường hợp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí rất lớn đến từ chi phí đầu tư ban đầu.

\* **Giải pháp:** Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

*e) Rủi ro về môi trường*

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối từ dư luận đối với hoạt động khai thác của Công ty. Việc thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao thể hiện việc nâng rào của Nhà nước đối với hoạt động này và sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

\* **Giải pháp:** Công ty dự báo xác suất rủi ro và đánh giá thiệt hại khi rủi ro xảy ra đối với từng lĩnh vực hoạt động để có biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Ban lãnh đạo của Công ty cũng phổ biến rộng rãi các Quy định về việc bảo vệ môi trường, nghiên cứu các giải pháp công nghệ giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

*g) Rủi ro khác*

Các yếu tố thời tiết như nắng nóng khắc nghiệt, mưa, bão lũ, sạt lở của Miền Trung ảnh hưởng lớn đến tiến độ, sản lượng khai thác của các dự án, công trình đang triển khai của Công ty và ảnh hưởng đến hoạt động chế biến các nhà máy, cũng như công tác vận chuyển đường biển từ Cảng Cửa Lò đi các Cảng Miền Nam của Công ty.

\* **Giải pháp:** Để hạn chế những thiệt hại khi có bất khả kháng xảy ra, Công ty đã chủ động tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các dự án, công trình đang triển khai.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động SXKD**

*a) Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2020*



Nội dung	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/TH2019	TH/KH 2020
Doanh thu	Triệu đồng	139.175	146.017	153.539	110%	105%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.645	7.559	7.922	82%	105%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.085	7.172	7.619	84%	106%
Cổ tức	%	20	20	20	100%	100%

Năm 2020, Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có nhiều khó khăn: Một số doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất cạnh tranh trực tiếp với SP của công ty; dịch bệnh Covid - 19 bùng phát trong thời gian dài; điều kiện thời tiết bất thường (nắng nóng, mưa, bão nhiều) đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ CNV Công ty, bằng nhiều giải pháp, biện pháp quyết liệt, kịp thời như: Tăng cường công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm (*duy trì thị trường cũ, mở rộng phát triển thị trường mới*); đầu tư MMTB để mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị tăng công suất máy móc và năng suất lao động; quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, có các chính sách động viên người lao động để họ yên tâm làm việc nên đã làm giảm giá thành sản phẩm, hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì được ổn định và phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

*b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch*

- Sản lượng sản xuất: 108.805 tấn; đạt 98,9% kế hoạch; bằng 99,57% so với năm 2019.

- Sản lượng tiêu thụ: 117.394 tấn; đạt 106,71% kế hoạch; bằng 107,83% so với năm 2019.

- Doanh thu: 153,5 tỷ đồng; đạt 105% kế hoạch; bằng 110,36% so với năm 2019.

- Tổng chi phí: 145,9 tỷ đồng; bằng 105,4% kế hoạch; bằng 115,92% so với năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 7,9 tỷ đồng; đạt 104,8% kế hoạch; bằng 82,14% so với cùng kỳ năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế: 7,6 tỷ đồng; đạt 106,24% kế hoạch; bằng 83,87% so với năm 2019.

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 đã đạt được mức kế hoạch đề ra về lợi nhuận cũng như doanh thu; tuy nhiên tiêu chí tăng trưởng về sản lượng sản xuất, lợi nhuận trước và sau thuế giảm so với năm 2019. Do trong năm 2020, hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, phát sinh các khoản chi phí phòng chống dịch bệnh làm tăng chi phí so với năm 2019, cụ thể: Giá vốn hàng bán tăng 11%; Chi phí bán hàng tăng 14%; Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21%; chi phí lãi vay tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra năm 2020 Công ty cũng điều chỉnh khấu hao TSCĐ tăng so với năm 2019 (giảm thời gian khấu hao) với số tiền gần 500 triệu đồng.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

a) *Danh sách Ban điều hành*

**\* Ông Lê Đình Hùng - Giám Đốc điều hành Công ty**

- Ngày tháng năm sinh: 20/7/1971
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp

### **Quá trình công tác:**

- 1995-1998: Đội Lâm sinh - Công ty Hợp tác kinh tế
- 1998-1999: Đội khảo sát gỗ cứng - Công ty Hợp tác kinh tế
- 1999-2000: Đội KT gỗ Nà Hin - Công ty Hợp tác kinh tế
- 2000-2003: Đội Lâm Sinh - Công ty Hợp tác kinh tế
- 2003-2005: Phó chỉ huy trưởng, Công trường 4B- Công ty Hợp tác kinh tế
- 2005-2006: Đội trưởng, Đội Lâm Sinh- Công ty Hợp tác kinh tế
- 2006-2013: Trưởng TB KH, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- Tổng công ty Hợp tác kinh tế
- 2013-2015: PB thường trực, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- Tổng công ty Hợp tác kinh tế
- 2016- 9/2018: Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Sông Đà Trường Sơn
- 9/2018 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

**Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2020 (%): 0,18%**

**\* Ông Lê Văn Chiến – Phó Giám đốc – kiêm Trưởng phòng Kinh doanh**

- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

### **Quá trình công tác:**

- 2000-2004: Cán bộ kinh doanh - Công ty TNHH Nhất Vinh
- 2004-2007: Giám đốc - Công ty TNHH Trọng Tín
- 2007-2012: Trợ lý kinh doanh - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu
- 2012- 5/2018: Trưởng phòng kinh doanh - Công ty CP Khoáng sản Á Châu
- 5/2018 - nay: Phó giám đốc Công ty CP Khoáng sản Á Châu

**Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2020 (%): 0,14%**

**\* Ông Quế Minh Hoàng - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính**

- 2001-2003: Trợ lý kế toán - Công ty Chế biến gỗ Lào Ngam/Công ty Hợp tác kinh tế.
- 2004-2007: Kế toán trưởng - Công ty Chế biến gỗ Lào Ngam/Công ty Hợp tác kinh tế.
- 2008-2010: Trợ lý Ban kiểm soát - Công ty Hợp tác kinh tế.

- 2010-2015: Trợ lý Ban kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Hợp tác kinh tế.
- 2015-5/2020: Phó Chánh văn phòng - Tổng Công ty Hợp tác kinh tế.
- 6/2020 - đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Công ty CP Khoáng sản Á Châu.

**Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2020 (%): 0%**

*b) Những thay đổi trong ban điều hành*

Căn cứ Quyết định số 36/2020/QĐ-HĐQT; số 37/2020/QĐ-HĐQT ngày 01/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản Á Châu về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Công ty CP Khoáng sản Á Châu, như sau:

**\* Miễn nhiệm:**

- Ông **Đặng Hoài Nam**.
- Không còn là Quyền kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Á Châu.
- Lý do miễn nhiệm: Chuyển công tác.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 01/06/2020.

**\* Bổ nhiệm:**

- Ông **Quế Minh Hoàng**.
- Giữ chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Công ty CP Khoáng sản Á Châu.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực: Kể từ ngày 01/06/2020.

*c) Số lượng cán bộ, nhân viên*

Tổng số cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty tính đến hết ngày 31/12/2020 là 113 người, được phân loại như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2019 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>121</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên Đại học	26	27	24%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	7	7	6%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	50	45	40%
4	Lao động phổ thông	38	34	30%
<b>B</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>121</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>
1	Lao động trực tiếp	68	86	76%
2	Lao động gián tiếp	53	27	24%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính lao động</b>	<b>121</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>
1	Nam	107	98	87%
2	Nữ	14	15	13%

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2019 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
<b>D</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>121</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	Dưới 25	0	1	1%
<b>2</b>	Từ 25-35	57	37	32%
<b>3</b>	Trên 35	64	75	67%
<b>Tổng cộng</b>		<b>121</b>	<b>113</b>	<b>100%</b>

**\* Chính sách đối với người lao động**

- Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của Công ty, Ban lãnh đạo AMC luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển của Công ty.

- Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

*a) Các khoản đầu tư lớn*

Tổng chi phí đầu tư MMTB, đầu tư dự án trong năm 2020 là 5.835 triệu đồng. Trong đó:

- Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc để phục vụ SXKD với tổng giá trị: 1.386 triệu đồng.

- Thực hiện dự án đầu tư: Công ty đã đầu tư thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500 với tỷ xuất đầu tư 4.449 triệu đồng. Bước đầu đạt hiệu quả cao về công suất và tiết kiệm năng lượng điện; Cải thiện môi trường sản xuất, sức khỏe cho người lao động; Đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

*b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.*

**4. Tình hình tài chính**

*a) Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	DVT	2019	2020	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	92.497	95.732	3,5%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	139.175	153.539	10,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	10.014	8.145	(18,7%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(369)	(223)	(39,6%)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.645	7.922	(17,9%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.085	7.619	(16,1%)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng (giảm)
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,12	0,05
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,76	0,83	0,07
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,67	47,73	1,06
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	87,50	91,30	3,80
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,70	6,65	(0,05)
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,56	1,60	0,04
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,53	4,96	(1,57)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	18,42	15,23	(3,19)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	9,82	7,96	(1,86)
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	7,20	5,31	(1,89)

- *Khả năng thanh toán*: Năm 2020, khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện so với năm 2019, cụ thể: Khả năng thanh toán hiện hành đạt 1,12 lần, tăng 4,7% so với năm 2019 và Khả năng thanh toán nhanh đạt 0,83, tăng 9,2% so với 2019. Hệ số khả năng thanh toán tăng do tiền và tương đương tiền tăng đáng kể lên 5,6 tỷ đồng (bằng 228% so với 2019), trong khi nợ ngắn hạn thay đổi không nhiều và tiền phải trả nợ gốc giảm so với cùng kỳ năm trước. Hệ số thanh toán trên là đáp ứng đủ mức an toàn đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản.

- *Cơ cấu vốn*: Tỷ trọng nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn Chủ sở hữu của Công ty có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2020. Cụ thể nợ chiếm 91,3% tổng tài sản và chiếm 47,7% vốn chủ sở hữu, tăng lần lượt 3,8% và 1,06% so với năm 2019. Sở dĩ có sự tăng nhẹ này là do trong năm 2020, Công ty đã tăng vay tài chính ngắn hạn để đầu tư dự án đầu tư thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500 phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đồng thời trích lập dự phòng phải trả dài hạn khiến cho vốn chủ sở hữu tăng. Tỷ lệ trả cổ tức vẫn giữ nguyên 20% so với năm 2019. Nhìn chung, đây là mức cơ cấu vốn an toàn.

- *Năng lực hoạt động*: Vòng quay hàng tồn kho giảm 0,75% so với 2019, từ 6,70 xuống còn 6,65 vòng. Nguyên nhân do trong năm 2020, Công ty đầu tư dự án thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500, tiến trình đưa vào vận hành còn chậm, chưa đạt hiệu quả cao, sản lượng sản xuất trong năm 2020 là 108.805 tấn, đạt 98,9% kế hoạch; bằng 99,57% so với năm 2019. Doanh thu thuần trên Tổng

tài sản tăng 2,6% so với 2019, chứng tỏ mặc dù sản lượng sản xuất giảm nhưng sản lượng tiêu thụ trong năm 2020 là 117.394 tấn, đạt 106,71% kế hoạch, bằng 107,83% so với năm 2019, làm cho tăng trưởng doanh thu so với tăng trưởng tài sản vẫn không bị suy giảm.

- *Khả năng sinh lời*: ROE trong năm 2020 là 15,23% giảm so 3,19% so với năm 2019 là 18,42%. ROE giảm mạnh do ảnh hưởng của các yếu tố khách quan làm tăng chi phí trong khâu tiêu thụ khiến lợi nhuận sau thuế giảm so với mọi năm, nhưng vẫn đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đặt ra trong năm.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

### a) Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã phát hành 2.850.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số lượng cổ phần : 2.850.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phổ thông : 2.850.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.850.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.

### b) Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần năm 2020	Tỷ lệ sở hữu năm 2020
1	Cổ đông Nhà nước	1,140.000	40%
2	Cổ đông Nước ngoài	127.100	4,5%
3	Cổ đông khác	1,582.900	55,5%
	<b>Tổng</b>	<b>2.850.000</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An	1,140,000	40%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*: Không thay đổi

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không có.

e) *Các chứng khoán khác*: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

TT	Danh mục NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá vôi trắng	Tấn	120.433	294.301	35.443.644.279
2	Bao bì	Bao	1.764.624	3.571	6.301.724.657
3	Nguyên vật liệu khác (chỉ khâu; dịch trợ nghiền; Axit Stearic ...)				3.919.733.760
+	<b>Tổng cộng</b>				<b>45.665.102.696</b>

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Tổng sản lượng điện tiêu thụ : 8.571.189 KW.

- Tổng chi phí năng lượng điện : 13.050.729.913 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

### 6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Tổng sản lượng nước tiêu thụ : 6.282 m<sup>3</sup>.

- Tổng chi phí : 96.922.276 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Quân số: 113 người.

- Thu nhập bình quân người lao động: 10.100.000 đ/người/tháng, đạt 106,6% kế hoạch, bằng 107,4% so với năm 2019.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

\* Về chế độ làm việc

- Về thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

- Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động trực tiếp, do đặc thù của ngành nghề khai thác, chế biến khoáng sản. Văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, kính mũ và dây bảo hộ ...), vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

#### **\* Chính sách khen thưởng và kỉ luật**

- Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc, thưởng phong trào thi đua quý, năm...

- Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Đảm bảo tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các chế độ theo quy định của Nhà nước: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với quy định của Công ty đồng thời đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

- Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, ốm đau, nghỉ dưỡng hàng năm,... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

#### **c) Hoạt động đào tạo người lao động**

Cán bộ, CNV, người lao động làm việc tại Công ty luôn được chú trọng đào tạo trao dồi chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, nâng cao tay nghề, bậc thợ và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 5.472 giờ. Trong đó:

+ Cán bộ quản lý : 2.328 giờ;

+ Lao động trực tiếp : 3.144 giờ.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh quan trọng được ưu tiên hàng đầu của AMC. Công ty luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề với trình độ chuyên môn của



lực lượng lao động trong nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi công ty có lợi ích hoạt động. Cụ thể:

- Tuân thủ quy trình khai thác, quy tắc an toàn tuyệt đối trong lao động, và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- Duy trì đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.
- Kiểm tra định kì các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- Quan tâm hỗ trợ người dân, những người khó khăn trong địa bàn nơi công ty hoạt động và giúp đỡ cộng đồng trong khả năng của công ty.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH2020/TH2019	TH/KH 2020
Doanh thu	Triệu đồng	139.175	146.017	153.539	110%	105%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.645	7.559	7.922	82%	105%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.085	7.172	7.619	84%	106%
Cổ tức	%	20	20	20	100%	100%

- Doanh thu năm 2020: 153,5 tỷ đồng, đạt 105,36% kế hoạch, bằng 110,36% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế: 7,6 tỷ đồng, đạt 106,24% kế hoạch, bằng 83,87% so với năm 2019.

Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động SXKD 2020 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, nhưng nhìn chung vẫn chưa cao, Lợi nhuận giảm so với năm 2019. Kết quả đó do một số nguyên nhân sau: Do trong năm 2020, hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19, phát sinh các khoản chi phí phòng chống dịch bệnh làm tăng chi phí so với năm 2019, cụ thể: Giá vốn hàng bán tăng 11%; Chi phí bán hàng tăng 14%; Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21%; chi phí lãi vay tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra năm 2020 Công ty cũng điều chỉnh khấu hao TSCĐ tăng so với năm 2019 (giảm thời gian khấu hao) với số tiền gần 500 triệu đồng. Việc sử dụng máy móc thiết bị để tối đa hóa hiệu quả vẫn có chỗ còn thiếu sự hợp lý.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

TT	Tài sản	Đơn vị	2019	2020
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	43.263	46.451
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	4.378	9.982

TT	Tài sản	Đơn vị	2019	2020
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	24.909	22.488
-	Hàng tồn kho	Triệu đồng	12.603	12.359
-	Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	1.374	1.621
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>49.234</b>	<b>49.281</b>
-	Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	2.145	2.548
-	Tài sản cố định	Triệu đồng	38.537	37.069
-	Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	-	-
-	Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	8.553	9.664
+	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>92.497</b>	<b>95.732</b>

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2020 là 95,7 tỷ đồng, tăng 3,2 tỷ đồng (tương đương tăng 3,5%) so với năm 2019, chủ yếu do nguồn tiền và tương đương tiền tăng. Đặc thù là doanh nghiệp ngành khoáng sản, tài sản cố định chủ yếu của Công ty là máy móc, cơ sở vật chất phục vụ công tác khai thác nên chưa có sự thay đổi quá lớn, cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong những năm gần đây.

- *Tài sản dài hạn*: Tài sản dài hạn năm 2020 đạt 49,2 tỷ đồng, tăng 47 triệu đồng (tương đương tăng 1%) so với 2019. Trong năm, Công ty đã đầu tư thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500 với tỷ xuất đầu tư 4,449 tỷ đồng; đầu tư tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc để phục vụ SXKD với tổng giá trị: 1,386 tỷ đồng. Đồng thời đã thanh lý dây chuyền nghiền mịn (cũ) và các MMTB đã hết khấu hao không còn giá trị sử dụng, với tổng nguyên giá TSCĐ là 8.139 triệu đồng.

- *Tài sản ngắn hạn*: Tài sản ngắn hạn năm 2020 đạt 46,4 tỷ đồng, tăng 3,1 tỷ đồng (tương đương tăng 7,4%) so với năm 2019 do các khoản tương đương tiền tăng. Phải thu ngắn hạn giảm 2,4 tỷ đồng (tương đương giảm 9%), trong năm Công ty đã tích cực có nhiều giải pháp để thu hồi công nợ khách hàng, nhất là đã thu hồi được công nợ dầy dụa khó đòi của các năm trước, do đó số dư công nợ giảm so với năm trước.

- *Tỷ trọng tài sản*:

+ Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản : 48,52%;

+ Tỷ trọng Tài sản cố định / Tổng tài sản : 38,72%.

b) *Tình hình nợ phải trả*

Tổng Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 là 45,6 tỷ đồng, tăng 2,5 tỷ đồng (tương đương tăng 5,8%) so với năm 2019. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: Tăng 1,03 tỷ đồng (tương đương tăng 2,6%) so với năm 2019, chủ yếu do phải trả ngắn hạn người bán tăng 2,9 tỷ đồng (tương đương tăng 15,2%).

- Nợ dài hạn: Tăng 1,49 tỷ đồng (tương đương tăng 48,9%) so với năm 2019, do khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 1,15 tỷ đồng (tương đương tăng

57,3%). Trong năm Công ty phải vay trung hạn để thực hiện Dự án đầu tư thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500.

- Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái: Hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do gần 33% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu với đồng tiền giao dịch là USD. Tỷ giá hối đoái năm 2020 duy trì ổn định, do Công ty tìm cách tối ưu thời hạn thanh toán của các khoản nợ: dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỉ giá và rủi ro thanh khoản; cùng với việc nợ thuần ngoại tệ của Công ty có giá trị khá nhỏ nên không có ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty.

- Ảnh hưởng của biến động lãi suất vay: Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn chiếm 79% tổng nợ, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn và đầu tư máy móc thiết bị. Trong năm 2020, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng là tương đối ổn định, nên mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đối với doanh nghiệp là không đáng kể. Đối với các khoản vay dài hạn, từ năm đầu năm 2017 đến nay, Công ty tăng cường hoạt động đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Các khoản vay nợ của Công ty đều được áp mức lãi suất cố định và tương đối thấp nên không cần phải lo ngại trước biến động lãi suất đi vay.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Hoạt động SXKD năm 2020 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nhưng Công ty cơ bản vẫn diễn ra ổn định, phát triển, có hiệu quả cao; sản lượng sản xuất và tiêu thụ vượt kế hoạch đề ra. Tuy Lợi nhuận trước thuế giảm 17,9% so với năm 2019, nhưng nhờ sự quản lý điều hành tốt, tiết kiệm được chi phí trong SXKD, nâng cao năng suất lao động, nên lợi nhuận trước thuế đạt 105% kế hoạch năm; tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 18,44%; thu nhập bình quân người lao động 10.100.000 đ/ng/tháng đạt 107% kế hoạch năm. Trong đó:

#### **\* Công tác kế hoạch**

- Công tác điều hành sản xuất, định hướng sản xuất và giám sát sản xuất được thực hiện khoa học, điều hành linh động đạt hiệu quả cao trong sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý kịp thời, tính khả thi cao.

- Áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật vào từng cung đoạn sản xuất; Thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ chi phí trong toàn Công ty; Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất hợp lý và khoa học.

- Quản lý tốt giá thành sản xuất. Lựa chọn được các đối tác cung cấp nguyên liệu như: Bao bì, đá trắng, dịch trợ nghiền,... ổn định, đảm bảo về chất lượng, giá cả tốt nhất.

### **\* Công tác thị trường**

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt phù hợp với thị trường nội địa và xuất khẩu, mang lại hiệu quả.

- Quản lý tốt thị trường đã có, không ngừng khai thác mở rộng thị trường mới.

- Từng bước xây dựng thương hiệu AMC và nhãn hiệu hàng hóa NSS của Công ty trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Thương hiệu của Công ty được khách hàng trong nước và nước ngoài tín nhiệm.

### **\* Công tác quản lý tài chính**

- Công tác quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị được thực hiện chặt chẽ; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển.

- Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới.

- Khai thác tốt các nguồn vốn, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho sản xuất và dự án đầu tư theo kế hoạch; đảm bảo chế độ tiêu chuẩn tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác cho người lao động và các nhu cầu chi thường xuyên của Công ty. Chấp hành tốt chế độ thu nộp bảo hiểm, thu nộp ngân sách Nhà nước và cấp trên.

- Tích cực, chủ động, có nhiều giải pháp để thu hồi công nợ, trong năm cơ bản đã thu hồi được công nợ tồn đọng kéo dài của các năm trước để lại.

### **\* Công tác kỹ thuật – công nghệ**

- Đảm bảo kịp thời, có hiệu quả vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD. Thực hiện tốt công tác bảo đảm kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng MMTB đúng quy trình, quy định, hạn chế tối đa việc ách tắc công việc do hư hỏng xe máy thiết bị gây ra.

- Tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu MMTB để đầu tư tăng năng lực sản xuất cho đơn vị.

- Quản lý, thống kê, theo dõi hoạt động máy móc thiết bị chặt chẽ, thực hiện kịp thời, có chất lượng việc sửa chữa máy móc thiết bị, chỉ đạo bảo dưỡng máy móc đúng quy trình và quy định.

### **\* Công tác tổ chức lao động – hành chính**

- Công tác tuyển dụng: Phù hợp với nhu cầu sử dụng của Công ty.

- Công tác tiền lương: đảm bảo tính toán chính xác lợi ích cho người lao động, động viên khen thưởng kịp thời.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

- Thực hiện tốt trong việc thăm hỏi ốm đau, thai sản, hiếu hỉ và chăm lo cho công nhân lao động khi gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

- Kịp thời gặp mặt, đối thoại, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng giải quyết các thắc mắc của người lao động.

**\* Công tác điều hành tại phân xưởng**

- Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị. Khắc phục MMTB khi hỏng hóc.

- Thực hiện tốt các lệnh sản xuất của Công ty. Công tác điều hành tại Đội khai thác đá Quý Hợp

**\* Công tác thực hiện Nghị quyết Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị**

Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2020.

**\* Một số khó khăn, tồn tại và hạn chế**

- Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 kéo dài ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất, tiêu thụ (sản lượng bán trong nước và xuất khẩu đều giảm mạnh so với cùng kỳ, nhiều khách hàng hoãn và giảm số lượng đặt hàng). Thời tiết cực đoan (nắng nóng gay gắt trong 3 tháng, mưa bão trong 2 tháng) làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lao động, làm gia tăng chi phí sản xuất, việc vận tải hàng hóa đi thị trường Miền nam bằng tàu biển bị ứ đọng kéo dài.

- Cạnh tranh ngày càng khốc liệt, nhiều sản phẩm phải giảm giá bán để cạnh tranh; máy móc hư hỏng nhiều, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả khách hàng trong năm vẫn còn lớn; công tác thu hồi, giải quyết công nợ tồn đọng vẫn còn một số đơn vị chưa xử lý dứt điểm được, trong năm còn để phát sinh công nợ quá hạn khó đòi.

- Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu, có biểu hiện dao động.

- Một số quy trình quản lý còn chưa khoa học, chưa đáp ứng được với yêu cầu cao của một số khách hàng nước ngoài.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Tập trung khai thác đá tại các mỏ đá của Công ty và chế biến đá trắng là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực để phát triển trong tương lai của AMC, là điều kiện để Công ty tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.

- Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu lập các Dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện đầu tư dự án đảm bảo theo đúng tiến độ đúng trình tự quy định của pháp luật hiện hành, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả SXKD cho đơn vị.

## **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 030501/2021/BCKT-iCPA, ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế có nêu ý kiến ngoại trừ tại thời điểm 31/12/2020 liên quan đến các vấn đề sau:

*“Tại Thuyết minh số V.4, Công ty đang ghi nhận phí cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng vào chi phí sản xuất năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là 624.834.000 đồng; 624.834.000 đồng và 1.145.132.003 đồng. Trong khi đó, số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là: 3.380.551.000 đồng; 3.380.551.000 đồng và 2.290.264.000 đồng. Số tiền còn lại đang được Công ty phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn”.*

*Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định được tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng trong toàn bộ thời gian được cấp phép và chi phí cần ghi nhận vào chi phí sản xuất năm 2018, 2019 và 2020. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo của Công ty”.*

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho phép AMC khai thác đá hoa bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Bản Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (mỏ Châu Hồng), tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 12.496.680.000 đồng, nộp trong 11 năm từ năm 2015 đến năm 2025, số tiền phải nộp hàng năm là 1.136.061.000 đồng. Căn cứ theo thông báo của Cục thuế Nghệ An, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là: 3.380.551.000 đồng; 3.380.551.000 đồng và 2.290.264.000 đồng. AMC đã nộp đủ số tiền phải nộp hàng năm và theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” với tổng số tiền là 12.459.549.000 đồng, số tiền đã phân bổ vào chi phí sản xuất căn cứ theo Giấy phép khai thác lũy kế đến 31/12/2021 là 3.019.634.003 đồng.

Hiện tại, do số tiền phải nộp kể từ năm 2018 đến nay là quá lớn và sẽ ảnh hưởng tới tổng chi phí cấp quyền khai thác mỏ Châu Hồng, đồng thời AMC không xác định được tổng chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản và số phải phân bổ vào chi phí hàng kỳ của mỏ Châu Hồng là bao nhiêu; do đó AMC tạm thời ghi nhận tiền phí cấp quyền này trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” của Báo cáo tài chính và chưa phân bổ vào chi phí trong kỳ. AMC sẽ làm việc với cơ quan thuế địa phương về tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp với mỏ Châu Hồng trong thời gian tới.

AMC, cùng các hội nghề nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá trắng trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền (trong đó có tổng Cục Thuế, Bộ Tài chính), đề nghị sửa đổi khung giá tính thuế tài nguyên ban hành theo Thông tư 44/2017/TT-BTC.

Với các lý do trên, AMC cho rằng việc ghi nhận chi phí cấp quyền khai thác như trên là phù hợp với hoạt động của đơn vị trong năm 2020.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

###### *a) Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành*

Kinh tế thế giới năm 2020 có nhiều biến động nhưng nhìn chung, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn giữ vững mức độ ổn định. Việt Nam được đánh giá là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định thứ ba thế giới và thứ nhất trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng GDP 2,91%, mức lạm phát được kiểm soát ở mức thấp 3,23% tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và nhu cầu xây dựng phát triển.

Đối với ngành khai thác đá vôi và chế biến bột đá, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành đang diễn ra ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm Công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

###### *b) Đánh giá về Công tác quản lý*

Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa, công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch sản xuất nên giá thành sản xuất sản phẩm đá trắng cơ bản thấp hơn giá thành kế hoạch. Công tác duy tu bảo dưỡng MMTB được quan tâm thực hiện thường xuyên, hoạt động an toàn, không để gián đoạn trong sản xuất, không để xảy ra hỏng hóc lớn. Kết quả hoạt động SXKD đạt và vượt mức kế hoạch đề ra

###### *c) Công tác quản trị tài chính và nhân sự*

- Quản trị tài chính kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho SXKD và đầu tư. Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính phải đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách chế độ nhà nước quy định.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách của người lao động: Chế độ bảo hiểm, bảo hộ, lương, thưởng, nâng lương và các khoản phúc lợi xã hội.

- Thực hiện tốt việc nộp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường và công tác quan hệ với địa phương tại địa bàn đứng chân được quan tâm. Công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả.

###### *d) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- Công ty đã luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề với trình độ chuyên môn của lực lượng lao động

trong nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi công ty có lợi ích hoạt động.

- Tuân thủ quy trình khai thác, quy tắc an toàn tuyệt đối trong lao động, và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.

- Duy trì đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.

- Kiểm tra định kì các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

- Quan tâm hỗ trợ người dân, những người khó khăn trong địa bàn nơi công ty hoạt động và giúp đỡ cộng đồng trong khả năng của công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

### *a) Những điểm làm được*

- Trong năm qua, Ban Giám đốc đã lĩnh hội, tiếp thu và tuân thủ một cách đầy đủ, nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty.

- Năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, cùng với việc ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh xuất hiện trên thị trường, nhưng Giám đốc cùng với Ban điều hành và với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ CNV Công ty, bằng nhiều giải pháp, biện pháp quyết liệt, kịp thời đó là: Tăng cường công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm (*duy trì thị trường cũ, mở rộng phát triển thị trường mới*); đầu tư MMTB mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị tăng công suất máy móc và năng suất lao động; quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, có các chính sách động viên người lao động để họ yên tâm làm việc nên đã làm giảm giá thành sản phẩm, giữ và mở rộng được thị trường, hoạt động SXKD của Công ty vẫn duy trì được ổn định và phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể: Doanh thu đạt 105% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 106% kế hoạch; Thu nhập bình quân người lao động: 10.100.000 đồng/người/tháng, đạt 106,6% kế hoạch.

- Ban Giám đốc tiếp tục triển khai, đầu tư dự án mở rộng SXKD theo đúng tiến độ đề ra, không ngừng cải thiện và phát triển hệ thống sản xuất của Công ty; thường xuyên bám sát triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý điều hành Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc luôn tích cực, cố gắng chủ động trong công tác thị trường nhằm đảm bảo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Đoàn kết thống nhất nội bộ, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

### *b) Những điểm chưa làm được*

- Do tỉ lệ cạnh tranh trong ngành ngày càng cao, khốc liệt, nhiều sản phẩm phải giảm giá bán để cạnh tranh.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả khách hàng trong năm vẫn còn lớn; công tác thu hồi, giải quyết công nợ tồn đọng vẫn còn một số đơn vị chưa xử lý dứt điểm được.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

### *a) Đánh giá thị trường năm 2021*



Trước những diễn biến kinh tế khó lường do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, Công ty dự báo tình hình thị trường năm 2021 sẽ có những biến động lớn theo thiên hướng bất lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại có trên 40 nhà sản xuất bột đá lớn (một số nhà máy sản xuất hạt taical là các khách hàng lớn của Công ty cũng tham gia vào đầu tư sản xuất bột đá) khiến cho tổng công suất sản xuất trong nước ước tính khoảng 4,5 đến 5 triệu tấn năm; sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành hàng gây ra áp lực cạnh tranh rất lớn trên thị trường cả về giá lẫn sản lượng tiêu thụ. Mặt khác, thị trường của các sản phẩm Sơn, Nhựa, Cao Su, Giấy, ... là các sản phẩm có sử dụng bột đá của Công ty hiện tại đang có chiều hướng trầm lắng xuống khiến mức tiêu thụ bột đá cũng giảm theo. Giá xăng dầu, nguyên vật liệu có diễn biến tăng trong đầu năm 2021, cước vận tải trong nước và quốc tế có xu hướng tăng sẽ làm giảm lợi nhuận gộp của Công ty. Hơn nữa, chính sách thuế, phí của Nhà nước không ổn định (Thuế tài nguyên, phí môi trường, tiền cấp quyền khai thác tăng) cũng là một bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Xác định năm 2021 sẽ rất khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy HĐQT quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021. Đặc biệt, Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

*b) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021*

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng	Tấn	115.820
2	Doanh thu	Triệu đồng	148.334
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.651
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.814
5	Dự kiến phân phối Lợi nhuận		
-	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	133
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	981
-	Chia cổ tức	Triệu đồng	5.700

*c) Phương hướng thực hiện*

- Nắm chắc diễn biến tình hình thị trường, duy trì ổn định thị trường đã có, phát triển thị trường mới; chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu dự trữ để ổn định sản xuất, đảm bảo sản phẩm cho thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác quản lý định mức KTKT,

tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Xây dựng phương án chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho sản xuất, chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp tăng sản lượng khai thác mỏ Châu Quang, Châu Hồng.

- Thực hiện tốt công tác công nghệ kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, bảo đảm có hiệu quả MMTB cho sản xuất; đẩy mạnh công tác sáng kiến CTKT, thay đổi một số khâu sản xuất để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả. Tăng cường kiểm tra để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng đầu tư khi có cơ hội, chủ động nghiên cứu, tính toán và triển khai thực hiện đầu tư dây chuyền nghiên cứu mịn. Tìm hiểu, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý của mỏ Châu Quang.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả, nhất là các quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý chất lượng sản phẩm...

- Thực hiện tốt công tác tài chính- kế toán; tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD, cho đầu tư kịp thời.

- Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm đến công tác ATLĐ, VSLĐ và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc. thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, khai thác và tham gia giao thông.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác hành chính trong toàn đơn vị; chăm lo đời sống vật chất, nơi ăn chỗ ở cho người lao động để người lao động đồng lòng, quyết tâm gắn bó lâu dài với đơn vị.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đinh Xuân Tự	Chủ tịch	521.000	18,28%
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	347.000	12,18%

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	29.000	1,02%
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	5.000	0,18%
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	96.100	3,37%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp để thảo luận và thông qua những nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD năm 2020.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch	4	100%	
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	3	75%	Bận công tác
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	4	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	3	75%	Bận công tác
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	4	100%	

Ngoài ra do điều kiện công việc của các thành viên HĐQT một số nội dung không tổ chức được cuộc họp HĐQT, trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 11 đợt lấy Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT thông qua những nội dung liên quan đến hoạt động SXKD do Ban điều hành đề nghị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lần Lấy Phiếu xin ý kiến	Tỷ lệ biểu quyết (nhất trí)	Lý do không nhất trí
1	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch	11	100%	
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	11	100%	
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	11	100%	
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	11	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lần Lấy Phiếu xin ý kiến	Tỷ lệ biểu quyết (nhất trí)	Lý do không nhất trí
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	11	100%	

HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng của mình, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Giám đốc trong công tác triển khai các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Ban hành các Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoạt động; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

**\* Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm:**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2020/NQ-HĐQT	17/01/2020	Thông qua báo cáo quyết toán năm 2019 và kế hoạch 2020
2	Số 02/2020/NQ-HĐQT	20/02/2020	Chốt danh sách đề triệu tập ĐHCĐ 2020
3	Số 03/2020/NQ-HĐQT	02/03/2020	Thông qua việc mua, bán xe ô tô
4	Số 04/2020/NQ-HĐQT	17/04/2020	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý I
5	Số 36/2020/QĐ-HĐQT	01/06/2020	Miễn nhiệm chức vụ Quyền kế toán trưởng
6	Số 37/2020/QĐ-HĐQT	01/06/2020	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tài chính
7	Số 05/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
8	Số 06 /2020/NQ-HĐQT	19/06/2020	Thông qua chi trả cổ tức 2019
9	Số 07/2020/NQ – HĐQT	19/06/2020	Thông qua việc mua xe nâng hàng
10	Số 08/2020/NQ – HĐQT	22/07/2020	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý II.
11	Số 09/2020/QĐ – HĐQT	31/07/2020	Phê chuẩn việc thanh xử lý tài sản thuộc diện máy móc thiết bị
12	Số 10/2020/QĐ – HĐQT	10/08/2020	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
13	Số 11/2020/NQ – HĐQT	21/08/2020	Phê duyệt thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay ngân hàng
14	Số 12/2020/QĐ – HĐQT	25/08/2020	Phê chuẩn việc thanh xử lý tài sản hệ thống nghiền mịn
15	Số 09/2020/NQ – HĐQT	19/10/2020	Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý III

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
16	Số 13/2020/QĐ-HĐQT	05/12/2020	Miễn nhiệm chức vụ phó quản đốc
17	Số 14/2020/QĐ-HĐQT	05/12/2020	Bổ nhiệm chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng
18	Số 13/2020/QĐ – HĐQT	25/12/2020	Phê chuẩn việc thanh xử lý tài sản thuộc diện máy móc thiết bị

Trong năm 2020, thành viên HĐQT cơ bản đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và biểu quyết khi Lấy phiếu xin ý kiến, thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

## 2. Ban kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP nắm giữ (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	10.000	0,35%
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	0	0%

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng ban	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	2/2	100%	
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	2/2	100%	

- Công tác kiểm soát quá trình quản lý và điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, đảm bảo hoạt động SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty, nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

- Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

#### *a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

	Họ và Tên	Chức Danh	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>	Đình Xuân Tụ	Chủ tịch HĐQT	93.229.414
	Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	69.922.071
	Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	69.922.071
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	69.922.071
	Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	69.922.071
	<b>Tổng</b>		<b>372.917.698</b>
<b>Giám đốc</b>	Lê Đình Hùng	Giám đốc	69.922.071
	Lê Văn Chiến	Phó Giám đốc	69.922.071
	<b>Tổng</b>		<b>139.844.142</b>
<b>Ban kiểm soát</b>	Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	-
	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	43.928.942
	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	43.928.942
	<b>Tổng</b>		<b>87.857.884</b>

*b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ. Không*

*c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không*

*d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Để Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đã thông qua trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; đồng thời tăng cường tính minh bạch, công khai, công tác quản trị công ty cần tăng cường cụ thể như sau:

- Nắm chắc tình hình thị trường, duy trì ổn định thị trường đã có, phát triển thị trường mới; chuẩn bị tốt nguồn nguyên liệu dự trữ để ổn định sản xuất, đảm bảo sản

phẩm cho thị trường tiêu thụ. Tăng cường công tác quản lý điều hành, quản lý chặt chẽ định mức KTKT, tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. khai thác hiệu quả các dự án đầu tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, tránh phát sinh sản phẩm lỗi phải bồi thường cho khách hàng.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ khách hàng, trong đó tập trung thu hồi công nợ phải thu quá hạn khó đòi để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư; theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thường xuyên các khách hàng có số công nợ lớn, có biện pháp xử lý tình huống kịp thời để đảm bảo an toàn vốn.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, đảng, công đoàn, hội phụ nữ, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác hành chính trong toàn đơn vị; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính. 2

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Chi tiết có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo)*

### XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



*[Handwritten signature]*  
**GIÁM ĐỐC  
LÊ ĐÌNH HÙNG**





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

---

Tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Đinh Xuân Tự	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Đình Hùng	Thành viên
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Văn Chiến	Phó Giám đốc

**Ban kiểm soát**

Ông Trần Minh Hưng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Hùng - Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

08  
ON  
OF  
DÁ  
Á  
/LC



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Lê Đình Hùng**

**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Số: 030501/2021/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 30 bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Tại Thuyết minh số V.4, Công ty đang ghi nhận phí cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng vào chi phí sản xuất năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là 624.834.000 đồng; 624.834.000 đồng và 1.145.132.003 đồng. Trong khi đó, số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là: 3.380.551.000 đồng; 3.380.551.000 đồng và 2.290.264.000 đồng. Số tiền còn lại đang được Công ty phản ánh trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn".

Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định được tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng trong toàn bộ thời gian được cấp phép và chi phí cần ghi nhận vào chi phí sản xuất năm 2018, 2019 và 2020. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo của Công ty.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đang hoạt động khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời gian khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Đến thời điểm 31/12/2020, việc bàn giao mỏ Châu Quang đã được thực hiện theo Biên bản giao nhận Tài sản và vốn góp thành lập Công ty CP Khoáng sản Á Châu số 312/BB-CP ngày 22/02/2008; giá trị quyền khai thác mỏ đã làm thủ tục xuất hóa đơn và kê khai thuế đầy đủ. Tuy nhiên, Giấy phép chưa được chuyển quyền khai thác cho Công ty. Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển tên quyền khai thác mỏ đá này trong thời gian tới do các thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian.

Công ty ghi nhận chi phí cấp quyền khai thác hàng năm theo Thông báo của cơ quan thuế địa phương (Thông qua Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế) do Giấy phép khai thác khoáng sản không quy định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 03 tháng 03 năm 2020.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0997-2021-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

**Lê Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3384-2020-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.451.356.391</b>	<b>43.263.002.055</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.982.661.776</b>	<b>4.377.608.037</b>
1. Tiền	111	V.1	9.982.661.776	4.377.608.037
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.487.736.989</b>	<b>24.908.585.608</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.617.850.486	23.998.216.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.000.000	626.749.139
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	320.045.382	576.452.675
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(494.158.879)	(292.832.723)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>12.359.786.557</b>	<b>12.602.795.880</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.359.786.557	12.602.795.880
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.621.171.069</b>	<b>1.374.012.530</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	575.059.765	1.242.400.991
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.046.111.304	131.611.539
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.281.246.736</b>	<b>49.234.658.574</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.547.807.489</b>	<b>2.144.591.243</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	2.547.807.489	2.144.591.243
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.069.272.416</b>	<b>38.537.258.909</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.030.676.961	36.340.241.662
- Nguyên giá	222		83.887.280.748	86.191.423.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.856.603.787)	(49.851.181.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2.038.595.455	2.197.017.247
- Nguyên giá	228		3.200.254.101	3.200.254.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.161.658.646)	(1.003.236.854)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.664.166.831</b>	<b>8.552.808.422</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	9.664.166.831	8.552.808.422
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.732.603.127</b>	<b>92.497.660.629</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>45.689.741.755</b>	<b>43.166.201.350</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.143.468.058</b>	<b>40.112.678.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	22.208.160.879	19.276.612.194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.358.000	3.193.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	401.369.621	372.942.949
4. Phải trả người lao động	314		4.720.212.387	4.734.183.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	823.759.722	640.206.011
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	729.241.928	339.499.086
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	12.169.675.250	14.745.296.556
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.690.271	744.997
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.546.273.697</b>	<b>3.053.523.239</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	3.162.200.000	2.010.600.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.13	1.384.073.697	1.042.923.239
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.042.861.372</b>	<b>49.331.459.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>50.042.861.372</b>	<b>49.331.459.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.922.865.821	11.745.524.699
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.619.995.551	9.085.934.580
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.619.995.551	9.085.934.580
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.732.603.127</b>	<b>92.497.660.629</b>

Hoàng Thị Oanh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Quế Minh Hoàng  
Kế toán trưởng



Lê Đình Hùng  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		153.539.180.123	139.175.749.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	153.539.180.123	139.175.749.937
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	82.947.804.515	74.792.352.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.591.375.608	64.383.397.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	129.280.485	75.880.770
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.455.513.034	1.195.517.489
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.337.400.044	1.163.753.668
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	49.788.334.273	43.857.888.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.331.315.147	9.391.038.462
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.145.493.639	10.014.834.570
11. Thu nhập khác	31	VI.7	169.204.119	150.000.756
12. Chi phí khác	32	VI.8	392.462.599	519.454.122
13. Lợi nhuận khác	40		(223.258.480)	(369.453.366)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.922.235.159	9.645.381.204
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	302.239.608	559.446.624
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.619.995.551	9.085.934.580
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.301	2.764
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.301	2.764

Hoàng Thị Oanh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2021

Quế Minh Hoàng  
Kế toán trưởng



Lê Đình Hùng  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	161.773.179.053	146.959.203.524
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(109.321.937.300)	(105.707.992.384)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.810.482.730)	(16.804.910.763)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.299.989.339)	(1.152.198.757)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(256.553.899)	(504.991.453)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	187.963.044	286.400.135
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.280.949.268)	(17.141.167.907)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>17.991.229.561</b>	<b>5.934.342.395</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.835.663.509)	(1.268.279.503)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	571.068.182	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.038.939	2.699.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.261.556.388)</b>	<b>(1.265.579.655)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.876.980.480	32.603.648.713
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.301.001.786)	(29.159.799.683)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.700.000.000)	(5.417.930.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.124.021.306)</b>	<b>(1.974.080.970)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>5.605.651.867</b>	<b>2.694.681.770</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.377.608.037</b>	<b>1.688.016.471</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(598.128)	(5.090.204)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>9.982.661.776</b>	<b>4.377.608.037</b>



**Hoàng Thị Oanh**  
 Người lập biểu  
 Ngày 05 tháng 03 năm 2021

**Quế Minh Hoàng**  
 Kế toán trưởng



**Lê Đình Hùng**  
 Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 09 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 28.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) tương ứng 2.850.000 cổ phần.

Địa chỉ Công ty tại Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 113 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 121 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí sửa chữa và chi phí vận chuyển chờ phân bổ. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 12
Tài sản cố định khác	04

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty bao gồm:

**Quyền khai thác mỏ**

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

**Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)**

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác mỏ	20
Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	06

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty hoạt động tại Khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2008. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2020 là năm thứ 13 Công ty áp dụng thuế suất 10% và là năm thứ 9 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	67.322.910	102.127.274
Tiền gửi ngân hàng	9.915.338.866	4.275.480.763
<b>Cộng</b>	<b>9.982.661.776</b>	<b>4.377.608.037</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	6.327.560.222	4.425.272.000
Sambath Makara	2.444.082.605	736.585.030
Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam	1.888.110.000	2.549.799.000
Công ty Cổ phần Nhựa Năm Châu	1.642.896.317	1.670.856.092
Công ty cổ phần Hóa chất HP	1.356.229.000	1.222.196.800
Các khách hàng khác	8.958.972.342	13.393.507.595
<b>Cộng</b>	<b>22.617.850.486</b>	<b>23.998.216.517</b>

**3. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	107.555.222	47.512.180
Phải thu khác của người lao động do tạm ứng lương	198.500.000	317.500.000
Phải thu khác	13.990.160	211.440.495
<b>Cộng</b>	<b>320.045.382</b>	<b>576.452.675</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	2.332.397.089	1.988.579.843
Phải thu dài hạn khác	215.410.400	156.011.400
<b>Cộng</b>	<b>2.547.807.489</b>	<b>2.144.591.243</b>

**4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.981.827	527.777.327
Chi phí vận chuyển	376.510.297	412.281.820
Chi phí bảo hiểm	28.567.641	43.062.183
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	259.279.661
<b>Cộng</b>	<b>575.059.765</b>	<b>1.242.400.991</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	224.251.834	258.025.422
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ Châu Hồng (i)	9.439.914.997	8.294.783.000
<b>Cộng</b>	<b>9.664.166.831</b>	<b>8.552.808.422</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép khai thác đá hoa bằng phương pháp lộ thiên tại Khu vực Bản Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An ("Mỏ Châu Hồng"), tổng tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 12,497 tỷ đồng, nộp trong vòng 11 năm kể từ năm 2015 đến năm 2025, số tiền phải nộp hàng năm là 1,136 tỷ đồng. Số tiền nay được phân bổ đều trong suốt thời hạn khai thác mỏ là 22 năm, số phân bổ vào chi phí sản xuất hàng năm là 624,8 triệu đồng.

Tuy nhiên, số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An năm 2018; 2019 và 2020 lần lượt là: 3.380.551.000 đồng; 3.380.551.000 đồng và 2.290.264.000 đồng. Kể từ năm 2018 trở đi, khoản chi phí cấp quyền này phụ thuộc vào Thông báo của Cơ quan thuế hàng năm.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể xác định được tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng. Công ty tạm thời phân bổ chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản vào giá thành sản xuất năm 2020 bằng 50% tổng số tiền cấp quyền năm 2020 theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An.

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác mỏ VND	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO) VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.168.435.919</b>	<b>31.818.182</b>	<b>3.200.254.101</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	971.418.672	31.818.182	1.003.236.854
Khấu hao trong năm	158.421.792	-	158.421.792
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.129.840.464</b>	<b>31.818.182</b>	<b>1.161.658.646</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	2.197.017.247	-	2.197.017.247
Số dư cuối năm	2.038.595.455	-	2.038.595.455

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 31.818.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 31.818.182 đồng).



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.501.227.222	-	7.919.081.988	-
Công cụ, dụng cụ	97.579.186	-	72.235.087	-
Thành phẩm nhập kho	1.448.154.899	-	4.439.889.155	-
Hàng hoá	48.131.209	-	171.589.650	-
Hàng gửi bán	1.264.694.041	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.359.786.557</b>	<b>-</b>	<b>12.602.795.880</b>	<b>-</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi
Lê Thị Cúc	235.780.000	-	235.780.000	70.734.000
Công ty TNHH Thuận Lợi	82.424.125	-	82.424.125	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Winpro	80.100.000	40.050.000	40.050.000	-
Công ty Cổ phần Daeil Polychem & Friends	124.000.000	86.800.000	37.200.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Đại Nam	97.470.000	68.229.000	29.241.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư phụ gia Hóa Chất	30.000.001	9.000.001	21.000.000	15.000.001
Các đối tượng khác	204.734.379	156.270.625	48.463.754	-
<b>Cộng</b>	<b>854.508.505</b>	<b>360.349.626</b>	<b>494.158.879</b>	<b>85.734.001</b>
			<b>378.566.724</b>	<b>292.832.723</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác		Tổng cộng
				VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	27.235.741.975	49.192.194.058	9.635.504.057	127.983.298		86.191.423.388
Mua trong năm	1.340.697.372	3.525.180.682	969.785.455	-		5.835.663.509
Thanh lý, nhượng bán	(71.304.500)	(6.430.580.901)	(1.595.769.267)	(42.151.481)		(8.139.806.149)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.505.134.847</b>	<b>46.286.793.839</b>	<b>9.009.520.245</b>	<b>85.831.817</b>		<b>83.887.280.748</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	12.342.941.573	31.952.512.079	5.456.309.163	99.418.911		49.851.181.726
Khấu hao trong năm	1.757.494.066	4.032.533.151	929.080.131	11.912.496		6.731.019.844
Thanh lý, nhượng bán	(71.304.500)	(6.429.784.555)	(1.182.357.247)	(42.151.481)		(7.725.597.783)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.029.131.139</b>	<b>29.555.260.675</b>	<b>5.203.032.047</b>	<b>69.179.926</b>		<b>48.856.603.787</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	14.892.800.402	17.239.681.979	4.179.194.894	28.564.387		36.340.241.662
Số dư cuối năm	14.476.003.708	16.731.533.164	3.806.488.198	16.651.891		35.030.676.961

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 4.304.849.003 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 8.513.033.946 đồng).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 26.264.349.130 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 13.950.392.227 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu tại Nghệ An	3.423.276.800	3.423.276.800	-	-
Công ty Cổ Phần Nhật Việt	2.404.115.000	2.404.115.000	3.486.178.060	3.486.178.060
Công ty TNHH TM & DV Hòa Tiến	2.097.663.842	2.097.663.842	1.622.263.971	1.622.263.971
Công ty CP Thương mại Sơn Phúc	1.994.817.000	1.994.817.000	-	-
Công ty CP Bao bì Nghệ An	1.867.653.734	1.867.653.734	2.133.828.109	2.133.828.109
Công ty TNHH Khoáng sản Ngọc Tuấn Anh	1.435.671.804	1.435.671.804	651.452.826	651.452.826
Công ty CP Khoáng Sản Nghệ An	723.965.305	723.965.305	-	-
Các đối tượng khác	8.260.997.394	8.260.997.394	11.382.889.228	11.382.889.228
<b>Cộng</b>	<b>22.208.160.879</b>	<b>22.208.160.879</b>	<b>19.276.612.194</b>	<b>19.276.612.194</b>
	<b>550.000.002</b>	<b>550.000.002</b>	<b>651.452.826</b>	<b>651.452.826</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	979.250.376	10.347.358.060	11.213.009.469	113.598.967
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	66.860.928	2.559.052.029	2.607.900.385	18.012.572
<b>Cộng</b>	<b>1.046.111.304</b>	<b>12.906.410.089</b>	<b>13.820.909.854</b>	<b>131.611.539</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	183.378.886	313.260.286	256.553.899	126.672.499
Thuế thu nhập cá nhân	-	321.566.919	325.016.919	3.450.000
Thuế tài nguyên	171.749.583	1.918.936.479	1.928.643.258	181.456.362
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	256.005.432	287.387.648	31.382.216
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.241.152	3.019.466.580	3.003.207.300	29.981.872
<b>Cộng</b>	<b>401.369.621</b>	<b>5.829.235.696</b>	<b>5.800.809.024</b>	<b>372.942.949</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	67.745.712	30.335.007
Chi phí hoa hồng môi giới	652.136.363	478.317.273
Chi phí phải trả khác	103.877.647	131.553.731
<b>Cộng</b>	<b>823.759.722</b>	<b>640.206.011</b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	59.140.010	8.748.005
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	322.267.349	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	346.924.569	312.751.081
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	910.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>729.241.928</b>	<b>339.499.086</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	669.191.918	312.751.081

**13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Hồng	714.247.727	555.956.349
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Quang	669.825.970	486.966.890
<b>Cộng</b>	<b>1.384.073.697</b>	<b>1.042.923.239</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Lô 32, Khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,  
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>10.383.275.250</b>	<b>10.383.275.250</b>	<b>27.476.980.480</b>	<b>30.395.101.786</b>	<b>13.301.396.556</b>	<b>13.301.396.556</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (i)	7.183.275.250	7.183.275.250	24.276.980.480	30.395.101.786	13.301.396.556	13.301.396.556
Vay cá nhân (ii)	3.200.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.786.400.000</b>	<b>1.786.400.000</b>			<b>1.443.900.000</b>	<b>1.443.900.000</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	1.786.400.000	1.786.400.000			1.443.900.000	1.443.900.000
<b>Tổng</b>	<b>12.169.675.250</b>	<b>12.169.675.250</b>			<b>14.745.296.556</b>	<b>14.745.296.556</b>

{i} Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/20/6086/HM/AMC ngày 03/12/2020, trong đó: Tổng hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 850.000 USD, dư nợ tại mọi thời điểm ở tất cả các hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại tất cả các thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), thời hạn duy trì hạn mức đến 01/09/2021, lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013; máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC200-6E; búa đập thủy lực hiệu Jisung JSB-60D; máy đào bánh xích hiệu Komatsu PC200LC-6LE; máy nén khí trục vít BKCX-12/10; Máy khoan đá tự hành YC910B; xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA PRADO, BKS 37A-386.27; xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HOWO, BKS 37C-263.67; máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Liugong CLG836. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 2.300.000.000 đồng và 210.350 USD.

{ii} Hợp đồng vay vốn các cá nhân với tổng số tiền vay: 3.200.000.000 đồng, lãi suất vay: 6,8%, thời hạn vay: từ 01 đến 06 tháng. Mục đích vay vốn: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.948.600.000</b>	<b>4.948.600.000</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>1.905.900.000</b>	<b>3.454.500.000</b>	<b>3.454.500.000</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh {i}	4.948.600.000	4.948.600.000	3.400.000.000	1.905.900.000	3.454.500.000	3.454.500.000
<b>Cộng</b>	<b>4.948.600.000</b>	<b>4.948.600.000</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>1.905.900.000</b>	<b>3.454.500.000</b>	<b>3.454.500.000</b>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(1.786.400.000)	(1.786.400.000)			(1.443.900.000)	(1.443.900.000)
<b>Cộng các khoản nợ dài hạn</b>	<b>3.162.200.000</b>	<b>3.162.200.000</b>			<b>2.010.600.000</b>	<b>2.010.600.000</b>

{i} Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh bao gồm:

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5068/AMC ngày 29/6/2017, trong đó: số tiền cho vay là 2.117.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,5%/năm, nhằm mục đích mua Xe Toyota Landcruiser Prado theo hợp đồng kinh tế số 33/HĐKT ngày 04/4/2017; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013. Số dư vay tại ngày 31/12/2020 là: 635.100.000 đồng.
- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5168/AMC ngày 05/7/2017, số tiền cho vay là 2.635.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua 02 máy đào bánh xích KOMATSU theo hợp đồng kinh tế số 107/17/HĐMB ngày 01/7/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/12/2020 là: 790.500.000 đồng.
- Hợp đồng cho vay số 05/2019/6001/AMC ngày 03/7/2019, số tiền cho vay là 780.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,9%, nhằm mục đích mua xe xúc lật bánh lốp hiệu Liugong theo hợp đồng mua bán số 265/HA - AC/2019 ngày 26/06/2019, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/12/2020 là: 585.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng tín dụng từng lần trung dài hạn số 05/2020/6001/AMC/TDH ngày 06/01/2020; trong đó: số tiền cam kết cho vay là 3.400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền mịn; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/12/2020 là: 2.482.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 05/2020/6002/AMC/TDH ngày 28/08/2020; trong đó: số tiền cho vay là 480.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho được quy định cụ thể tại giấy nhận nợ, nhằm thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền mịn bột đá trắng CaCO<sub>3</sub>; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và các tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/12/2020 là: 456.000.000 đồng.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>10.503.374.795</b>		<b>7.924.611.005</b>	<b>46.927.985.800</b>	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-		9.085.934.580	9.085.934.580	
Phân phối lợi nhuận	-	1.242.149.904		(2.224.611.005)	(982.461.101)	
Trả cổ tức	-	-		(5.700.000.000)	(5.700.000.000)	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>11.745.524.699</b>		<b>9.085.934.580</b>	<b>49.331.459.279</b>	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-		7.619.995.551	7.619.995.551	
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	2.177.341.122		(2.177.341.122)	-	
Trả cổ tức (*)	-	-		(5.700.000.000)	(5.700.000.000)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-		(908.593.458)	(908.593.458)	
Thường Ban điều hành (*)	-	-		(300.000.000)	(300.000.000)	
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>13.922.865.821</b>		<b>7.619.995.551</b>	<b>50.042.861.372</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận như sau;

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.177.341.122 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	908.593.458 đồng
+ Chia cổ tức (tỷ lệ 20%/VĐL)	5.700.000.000 đồng
+ Thưởng ban quản lý điều hành	300.000.000 đồng

**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Hợp tác kinh tế	11.400.000.000	11.400.000.000
Cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>28.500.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>2.850.000</b>	<b>2.850.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.850.000</b>	<b>2.850.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>153.539.180.123</b>	<b>139.175.749.937</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	2.643.698.166	1.033.173.912
- Doanh thu bán thành phẩm	150.873.981.957	138.111.530.570
- Doanh thu vận chuyển hàng	21.500.000	31.045.455
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>153.539.180.123</b>	<b>139.175.749.937</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	1.096.094.443	576.459.406
Giá vốn hàng bán của thành phẩm	81.839.380.074	74.191.504.125
Giá vốn hàng bán của dịch vụ vận chuyển	12.329.998	24.388.621
<b>Cộng</b>	<b>82.947.804.515</b>	<b>74.792.352.152</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi tiền gửi ký quỹ phục hồi môi trường	62.437.939	53.258.648
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	66.842.546	22.622.122
<b>Cộng</b>	<b>129.280.485</b>	<b>75.880.770</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền vay	1.337.400.044	1.163.753.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.112.990	31.763.821
<b>Cộng</b>	<b>1.455.513.034</b>	<b>1.195.517.489</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	609.204.132	510.567.800
Chi phí vật liệu, bao bì	559.427.040	697.479.901
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	232.396.246	645.194.710
Khấu hao tài sản cố định	20.373.420	18.730.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.523.312.740	40.846.261.515
Chi phí bằng tiền khác	2.843.620.695	1.139.653.706
<b>Cộng</b>	<b>49.788.334.273</b>	<b>43.857.888.034</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.320.344.878	5.970.642.293
Chi phí vật liệu quản lý	470.390.990	340.165.399
Chi phí đồ dùng văn phòng	294.627.247	149.082.962
Khấu hao tài sản cố định	803.025.153	858.595.128
Thuế, phí, lệ phí	73.041.432	68.912.432
Chi phí dự phòng	201.326.156	210.408.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708.222.512	742.207.280
Chi phí bằng tiền khác	1.460.336.779	1.051.024.370
<b>Cộng</b>	<b>11.331.315.147</b>	<b>9.391.038.462</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý Tài sản cố định	156.859.816	-
Tiền bồi thường	-	150.000.000
Các khoản thu khác	12.344.303	756
<b>Cộng</b>	<b>169.204.119</b>	<b>150.000.756</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm pháp luật thuế, hành chính; Truy thu thuế	153.648.031	454.345.638
Chi phí bồi thường thiệt hại do vi phạm HĐ	238.258.723	35.734.088
Các khoản chi khác	555.845	29.374.396
<b>Cộng</b>	<b>392.462.599</b>	<b>519.454.122</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.922.235.159</b>	<b>9.645.381.204</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	713.182.206	1.543.551.285
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	232.522.970	229.680.564
- <i>Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp</i>	82.049.741	453.090.983
- <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm trước của tiền, nợ phải thu</i>	6.531.523	-
- <i>Chi phí không được trừ</i>	392.077.972	860.779.738
Chuyển lỗ phát sinh năm trước		
Thu nhập chịu thuế	8.635.417.365	11.188.932.489
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>863.541.737</b>	<b>1.118.893.249</b>
Thuế TNDN được giảm	431.770.869	559.446.624
Giảm trừ 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	129.531.261	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>302.239.608</b>	<b>559.446.624</b>

**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.619.995.551	9.085.934.580
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.061.999.555)	(1.208.593.458)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.557.995.996	7.877.341.122
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850.000	2.850.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.301</b>	<b>2.764</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**10. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2020.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2019, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2019. Do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Số báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	9.085.934.580	-	9.085.934.580
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(1.098.593.458)	(110.000.000)	(1.208.593.458)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.987.341.122	(110.000.000)	7.877.341.122
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850.000	-	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.803		2.764

**11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.104.098.708	38.348.235.223
Chi phí nhân công	21.277.377.302	19.621.530.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.889.441.636	6.418.835.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	82.468.832.823	64.131.322.374
Cộng	153.739.750.469	128.519.923.770

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Cổ đông lớn

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế		
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ Châu Quang	114.971.000	562.186.464
Chi phí thuê xe và máy móc	1.264.999.907	2.090.000.004
Cổ tức được nhận	2.280.000.000	2.280.000.000
Các khoản khác	307.712.024	85.310.050
Cộng	3.967.682.931	5.017.496.518

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	550.000.002	651.452.826
<b>Cộng</b>	<b>550.000.002</b>	<b>651.452.826</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	322.267.349	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	346.924.569	312.751.081
<b>Cộng</b>	<b>669.191.918</b>	<b>312.751.081</b>

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.621.500.209	1.212.208.019
<b>Cộng</b>	<b>1.621.500.209</b>	<b>1.212.208.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

Năm nay	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
<b>Tổng doanh thu phân bổ</b>	<b>102.462.337.288</b>	<b>51.076.842.835</b>	<b>153.539.180.123</b>
Tổng chi phí phân bổ	92.535.064.391	40.201.074.397	132.736.138.788
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>9.927.272.897</b>	<b>10.875.768.438</b>	<b>20.803.041.335</b>
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			298.484.604
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			13.481.530.388
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>7.619.995.551</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			5.835.663.509
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>10.919.233.438</b>	<b>5.443.170.485</b>	<b>16.362.403.923</b>
<b>Năm trước</b>			
<b>Tổng doanh thu phân bổ</b>	<b>104.069.772.985</b>	<b>35.105.976.952</b>	<b>139.175.749.937</b>
Tổng chi phí phân bổ	88.193.675.537	30.456.564.649	118.650.240.186
<b>Kết quả của bộ phận</b>	<b>15.876.097.448</b>	<b>4.649.412.303</b>	<b>20.525.509.751</b>
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			225.881.526
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			11.665.456.697
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>9.085.934.580</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.638.492.633
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9.695.704.911</b>	<b>3.270.663.357</b>	<b>12.966.368.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,  
Xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		
	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.005.294.471	3.612.556.015	22.617.850.486
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			73.114.752.641
<b>Tổng tài sản</b>			<b>95.732.603.127</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			45.689.741.755
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>45.689.741.755</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận			23.998.216.517
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			68.499.444.112
<b>Tổng tài sản</b>			<b>92.497.660.629</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			43.166.201.350
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>43.166.201.350</b>

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Công ty lĩnh vực kinh doanh:

- Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn.
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển (dưới 10% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

Do đó, theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Hoàng Thị Oanh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2021



Quế Minh Hoàng  
Kế toán trưởng



Lê Đình Hùng  
Giám đốc

